

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH ĐẮK LẮK

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **243/2024/DS-PT**

Ngày: 05 - 8 - 2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng thuê khoán

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Phi Kbuôr

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Nhung, bà Lê Thị Thanh Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2024/TLPT-DS ngày 10/4/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng giao khoán*” do có kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị V và đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phạm Anh V đối với Bản án sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2024/QĐPT-DS ngày 22/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 191/2024/QĐ-PT ngày 12/6/2024; Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử vụ án dân sự phúc thẩm số 775/2024/TB-TA ngày 01/7/2024 và Thông báo về việc chuyển lịch phiên tòa xét xử vụ án dân sự phúc thẩm số 09/2024/TB-TA ngày 22/7/2024, giữa:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV C

Địa chỉ: KM 15, quốc lộ 27, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Công P, chức vụ: Chủ tịch kiêm giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn N, sinh năm 1976, chức vụ: Phó phòng kế hoạch nông nghiệp (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Đinh Thị V, sinh năm 1971 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Anh V (Phạm Xuân V), sinh năm 1962 (Có mặt).

Địa chỉ: Buôn Đ, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Vũ Thị Anh Đ, sinh năm 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2/ Chị Vũ Vân A, sinh năm 2000 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3/ Cháu Vũ Anh Q, sinh năm 2008 (Vắng mặt).

4/ Cháu Vũ Anh T, sinh năm 2013 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người giám hộ cho cháu Vũ Anh Q, sinh năm 2008 và cháu Vũ Anh T, sinh năm 2013: Bà Đinh Thị V là mẹ các cháu (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Lê Văn N trình bày:

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E (Gọi tắt Công ty cà phê E) được thành lập theo Quyết định số 1089/QĐ - ĐMDN ngày 27/4/2010 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Hiện Công ty có 3 khu sản xuất, tại nông trường Đliêya, Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho thuê đất vào mục đích sản xuất kinh doanh cà phê, trong sản xuất Công ty áp dụng cơ chế khoán vườn cây cho người lao động theo Nghị định 135 ngày 08/11/2005 của Chính phủ.

Về tổ chức sản xuất: Trước năm 2018, Công ty áp dụng cơ chế khoán vườn cây cho người lao động theo Nghị định 135 ngày 08/11/2005 của Chính phủ. Từ chu kỳ khoán 2018 - 2022 bắt đầu áp dụng cơ chế khoán vườn cây theo Nghị định 168/2016-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ.

Năm 1995 ông Vũ Khắc Đ ký hợp đồng nhận 2 ha; năm 2006 nhận chuyển nhượng 01 ha từ bà Nguyễn Thị Vân; đến năm 2008 nhận chuyển nhượng 1,29 ha từ ông Trần Văn Tám. Do đó năm 2011 giữa Công ty và ông Đ đã ký gộp 03 hợp đồng thành 01 hợp đồng số 56 với diện tích 4,29 ha. Ngày 19/01/2016 bà Đinh Thị V (vợ ông Đ) ký thêm 01 hợp đồng số 58/HĐ - GNK với diện tích là 1,12 ha. Tổng diện tích của gia đình ông Đ, bà V nhận khoán của công ty là 5.41 ha.

Năm 2014, ông Đ chết, bà V và các con chung thừa kế và tiếp tục quản lý, canh tác trên vườn cây nhận khoán diện tích 4,29 ha, thực hiện tốt nghĩa vụ thanh toán sản phẩm đầy đủ theo hợp đồng từ năm 2011 - 2015.

Khi kỳ khoán 2011 - 2015 kết thúc, thực hiện chủ trương sắp xếp lại doanh nghiệp, Tổng công ty cà phê Việt Nam có văn bản yêu cầu các Công ty, nông trường trực thuộc Tổng công ty gia hạn khoán vườn cây cà phê kéo dài thêm 02 năm và hướng dẫn quy trình xây dựng phương án khoán. Thực hiện sự chỉ đạo, Công ty cà phê E xây dựng dự thảo phương án khoán, gửi cho các đơn vị đóng góp ý kiến, được đưa ra hội nghị người lao động thông qua và trình Tổng công ty cà phê Việt Nam xem xét, phê duyệt. Tại quyết định số 292A/QĐ -HĐTV ngày 07/7/2016, Tổng công ty cà phê Việt Nam đã chấp nhận và duyệt phương án khoán do Công ty cà phê E xây dựng. Sau đó, Công ty cà phê E giao cho Nông trường Đliêya tổ chức ban hành và ký phụ lục hợp đồng kéo dài thêm 02 năm (2016 - 2017), nội dung của “phụ lục hợp đồng giai đoạn 2016 - 2017” không khác so với “Hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê giai đoạn 2011- 2015” về sản lượng thu được điều chỉnh thấp hơn so với hợp đồng chính, về sản lượng thu được điều chỉnh thấp hơn so với hợp đồng chính nhưng bà Đinh Thị V nại ra một số lý do để không ký phụ lục hợp đồng mặc dù đã được Công ty TNHH MTV cà phê E giải thích và giải quyết khiếu nại. Bà V không ký phụ lục, không thanh lý hợp đồng giai đoạn 2011 - 2015, không trả đất và vườn cây cho nông trường nhưng bà V vẫn canh tác, sử dụng cho đến nay. Như vậy, bà Đinh Thị V đã vi phạm vào khoản 1, 7, 8 Điều 4, điểm 9 khoản 2 Điều 5; các điểm 2, 9 khoản 1 Điều 7 và khoản 4 Điều 8 của hợp đồng nhận khoán giai đoạn 2011 - 2015.

Đến chu kỳ khoán 2018 - 2022, Công ty TNHH MTV cà phê E tiếp tục xây dựng dự thảo phương án khoán, gửi các đơn vị đóng góp ý kiến, được đưa ra hội nghị người lao động thông qua và trình Tổng công ty cà phê Việt Nam xem xét và được phê duyệt. Chu kỳ này mức khoán tiếp tục giảm nhưng bà Đinh Thị V cũng không ký hợp đồng khoán.

Sau nhiều lần đối thoại không thành công, từ năm 2016 đến nay, bà V không hợp tác, không nộp sản theo quy định cho Nông trường. Công ty cà phê E cũng nhiều lần yêu cầu bà V trả lại đất và vườn cây cho Công ty cà phê E để quản lý nhưng bà vẫn không hợp tác.

Do đó, Công ty khởi kiện bà Đinh Thị V, đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết: buộc bà V phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV cà phê E 46.847 kg cà phê quả tươi; Buộc bà Đinh Thị V trả cho Công ty TNHH MTV cà phê E 25.316.944 đồng, bao gồm: Tiền thuê đất Nông nghiệp từ 2006 đến 2015 là: 15.796.434 đồng, tiền thuê đất chậm nộp tạm tính là: 9.520.510 đồng và chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa bà V là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích 5.41 ha do ông Vũ Khắc Đ (chồng bà V), trong đó, ông Đ nhận khoán 4,29 ha, bà V nhận khoán riêng 1,12 ha đã ký kết với Công ty, giao trả lại diện tích nhận khoán

5,41 ha cho Công ty.

Quá trình giải quyết vụ án, Công ty xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể Công ty chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Buộc bà V phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH MTV cà phê E 37.869 kg cà phê quả tươi.

2/ Chấm dứt hợp đồng giao khoán giữa bà V là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích và buộc bà Đinh Thị V trả lại 4,29 ha đất nhận khoán (do chồng bà V là ông Vũ Khắc Đ đã ký kết với công ty) tại tờ bản đồ số 127, theo trích lục số 2572/TL-VPĐKQSDD - KTĐC ngày 13/3/2020 của Sở TN-MT tỉnh Đắk Lắk cho Nông trường cà phê Đliêya để tổ chức sản xuất.

Đối với những tài sản là cây trồng khác và vật kiến trúc do bà V tạo lập trên đất, quá trình nhận khoán đất, bà V đã tự ý xây dựng nhà kiên cố, trồng xen một số loại cây ăn quả khác mà không có sự đồng ý của Công ty, bà V không tuân thủ theo thỏa thuận của hợp đồng, do đó trong trường hợp bà V giao trả lại diện tích 4,29 ha cho Công ty, Công ty đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, không đồng ý tiếp quản và yêu cầu bà V tháo dỡ, di dời toàn bộ số cây trồng, vật kiến trúc đã tạo dựng trên đất, giao trả lại đất và cây cà phê trên đất cho Công ty để công ty sử dụng đúng mục đích và không bồi thường lại giá trị cây trồng khác, vật kiến trúc trên đất cho bà V.

Đối với diện tích 1,12 ha theo hợp đồng số 58 ngày 19/01/2016 ký kết giữa bà V và Công ty, tiền thuê đất Nông nghiệp từ 2006 đến 2015 là: 15.796.434 đồng, Tiền thuê đất chậm nộp tạm tính là: 9.520.510 đồng và sản lượng cà phê quả tươi chưa nộp của diện tích 1,29 ha và lãi sản lượng cà phê quả tươi do chậm trả thì Công ty xin rút yêu cầu khởi kiện. Nếu sau này có tranh chấp và không giải quyết được, Công ty sẽ khởi kiện bà V bằng một vụ án khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Đinh Thị V và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Anh V (Phạm Xuân V) trình bày:

Năm 1995, ông Vũ Khắc Đ ký hợp đồng nhận 02 ha đất trống chưa có trồng cà phê; năm 2006 nhận chuyển nhượng hợp đồng 01 ha từ bà Nguyễn Thị V (cây cà phê trên đất do bà V tự trồng và chăm sóc); đến năm 2008 nhận chuyển nhượng 1,29 ha từ ông Trần Văn T (cây cà phê trên đất do ông T tự trồng và chăm sóc). Do đó năm 2011 giữa Công ty và ông Đ đã ký gộp 03 hợp đồng thành 01 hợp đồng số 56 với diện tích 4,29 ha. Năm 2016 bà Đinh Thị V ký thêm 01 hợp đồng số 58/HĐ - GNK với diện tích là 1.12 ha. Tổng diện tích gia đình bà V quản lý, canh tác là 5,41 ha.

Theo nội dung của hợp đồng, các bên thỏa thuận với nhau về diện tích giao nhận khoán, sản lượng giao nộp, thời hạn thực hiện, quyền, nghĩa vụ của các bên, trong khi thực hiện hợp đồng. Đến năm 2016, Công ty cà phê E yêu cầu gia đình bà V ký phụ lục hợp đồng kéo dài thêm 02 năm (2016 - 2017), tuy nhiên trước khi ban hành phụ lục Công ty cà phê E và Nông trường Đ không làm đúng quy định, một số tài sản khấu hao không đúng, một số chi phí không hợp lý, không cho dân đóng góp, xây dựng phương án khoán, việc giải quyết, khiếu nại không thỏa đáng, do đó bà V không ký phụ lục giao nhận khoán kéo dài thêm 02 năm và không đóng đủ sản lượng theo yêu cầu của Nông trường, do đó Công ty khởi kiện bà V để yêu cầu trả tiếp sản lượng cà phê quả tươi còn nợ và giao trả lại diện tích đã nhận khoán theo hợp đồng số 56 và số 58 tại tờ bản đồ số 127, theo trích lục số 2572/TL-VPĐKQSDĐ - KTĐC ngày 13/3/2020 của Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk thì căn cứ khoản 1 Điều 2 Nghị định 118/2014/NĐCP quy định: diện tích khoán trắng cho người dân tự đầu tư 100% vào vườn cây thì Công ty phải trả lại diện tích về cho địa phương.

Do đó công ty không có quyền đòi lại diện tích đất đã giao khoán cho hộ bà V. Trong trường hợp địa phương muốn thu hồi để sử dụng vào mục đích an ninh quốc phòng và đền bù thỏa đáng thì bà V đồng ý giao trả đất cho địa phương. Vì bà V không giao trả đất cho Công ty nên bà V không có ý kiến gì về việc bồi thường toàn bộ tài sản mà gia đình bà V đã tạo dựng trên đất nhận khoán.

Trong quá trình giải quyết vụ án những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày có nội dung: Chị Vũ Thị Anh Đ, chị Vũ Vân A (là con của ông Đ và bà V) xác nhận diện tích đất 4,29 ha tại thôn E do ba mẹ nhận khoán của Công ty E, hiện gia đình đang quản lý, sử dụng, các chị Vũ Thị Anh Đ và Vũ Vân A đều có công sức đóng góp trong việc tạo lập tài sản này. Nay Công ty khởi kiện yêu cầu mẹ là bà V phải thanh toán sản lượng còn nợ và giao trả lại diện tích đất 4,29 ha thì chị hoàn toàn không đồng ý. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình bà V.

Người giám hộ cho cháu Vũ Anh Q và cháu Vũ Anh T đồng thời là bị đơn trong vụ án là bà Đinh Thị V trình bày: Bà đồng ý với ý kiến trình bày của ông Phạm Anh V và không bổ sung thêm ý kiến gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 165 Điều 203 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 501; Điều 503; Điều 504 Điều 506; Điều 511 Bộ luật Dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 668 Bộ Luật dân năm 2005;

- Căn cứ các Điều 7, 8, 9, 10, 12 Nghị định số 135/2005/NĐ-CP, ngày 08/11/2005 của Chính phủ.

- Căn cứ Thông tư số 102/2006/TT-BNN, ngày 13 tháng 11 năm 2006 của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 13 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E.

[1] Buộc bà Đinh Thị V, chị Vũ Thị Anh Đ, chị Vũ Thị Vân A phải liên đới trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E nợ gốc sản phẩm là: 37.869 kg cà phê quả tươi.

[2] Chấm dứt hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê số 56/HĐ-GNK giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E với ông Vũ Khắc Đ, bà Đinh Thị V lập ngày 02/9/2011.

[2.1] Buộc bà Đinh Thị V, chị Vũ Thị Anh Đ, chị Vũ Thị Vân A phải giao trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E diện tích 4.29 ha đất theo hợp đồng giao nhận khoán số 56 ngày 02/9/2011.

Gồm các thửa đất cụ thể:

- Thửa đất số 62, tờ bản đồ số 127 theo trích lục số 2572/TL-VPĐKQSĐĐ - KTĐC ngày 13/3/2020 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk tại đội 2, thôn E, xã Đ, huyện K cùng toàn bộ cây cà phê trên đất.

Vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường nhựa đi đèo 900; phía Tây giáp đường bờ lô; phía Nam giáp lô đất của bà Đinh Thị V và lô đất của bà Trần Thị H; phía bắc giáp đường bờ lô.

- Phần diện tích tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 127 theo trích lục số 2572/TL-VPĐKQSĐĐ - KTĐC ngày 13/3/2020 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk, tại đội 2, thôn E, xã Đ, huyện K cùng toàn bộ cây cà phê trên đất.

Vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường nhựa đi đèo 900; phía Tây giáp lô đất của bà Trần Thị H; phía Nam và phía Bắc giáp đường bờ lô.

- Phần diện tích tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 127 theo trích lục số 2572/TL-VPĐKQSDĐ - KTĐC ngày 13/3/2020 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk, tại đội 2, thôn E, xã Đ, huyện K cùng toàn bộ cây cà phê trên đất.

Vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường bờ lô; phía Tây giáp lô đất của ông Chu Đức C; phía Nam lô đất của ông Võ Thanh T; phía bắc giáp lô của bà Nguyễn Thị M và lô đất của ông Hồ Văn H.

[2.2] Buộc bà Đinh Thị V, chị Vũ Thị Vân A, chị Vũ Thị Anh Đ phải tháo dỡ, di dời các tài sản gắn liền trên diện tích 4,29 ha đất theo hợp đồng giao nhận khoán số 56 ngày 02/9/2011.

Cụ thể:

- Nhà ở + toàn bộ công trình phụ; 300 trụ tiêu, 31 cây cau; 06 cây đu đủ; 01 cây xoài; 01 cây na thái; 03 cây mít; 01 cây chôm chôm; 01 cây bưởi; 01 cây hồng; 06 cây chanh dây; 43 cây sầu riêng; 193 cây macca; 07 cây dổi; 25 cây bơ boot; 02 giếng nước trên thửa đất số 62, tờ bản đồ số 127 theo trích lục số 2572/TL-VPĐKQSDĐ - KTĐC ngày 13/3/2020 của Sở TN-MT tỉnh Đắk Lắk tại đội 2, thôn E, xã Đ, huyện K cùng toàn bộ cây cà phê trên đất.

- 98 cây macca; 250 trụ tiêu, 16 cây dổi; 19 cây sầu riêng; 23 cây bơ; 14 cây cau trên phần diện tích thửa đất số 73, tờ bản đồ số 127 theo trích lục số 2572/TL-VPĐKQSDĐ - KTĐC ngày 13/3/2020 của Sở TN-MT tỉnh Đắk Lắk, tại đội 2, thôn E, xã Đ, huyện K cùng toàn bộ cây cà phê trên đất.

- 200 cây macca; 300 trụ tiêu, 50 cây dổi; 100 cây sầu riêng; 50 cây bơ trên phần diện tích tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 127 theo trích lục số 2572/TL-VPĐKQSDĐ - KTĐC ngày 13/3/2020 của Sở TN-MT tỉnh Đắk Lắk, tại đội 2, thôn E, xã Đ, huyện K cùng toàn bộ cây cà phê trên đất.

[3] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV cà phê E đối với yêu cầu buộc bà Đinh Thị V giao trả lại diện tích 1,12 ha theo hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê số 58 ngày 19/01/2016 ký kết với bà Đinh Thị V. Nguyên đơn Công ty TNHH MTV cà phê E được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[4] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV cà phê E đối với yêu cầu buộc bà Đinh Thị V trả cho công ty tiền thuê đất từ năm 2006 - 2015 là: 25.316.944 đồng. Nguyên đơn Công ty TNHH MTV cà phê E được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[5] Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần TNHH MTV cà phê E đối với yêu cầu buộc bà Đinh Thị V trả cho công ty nợ lãi sản phẩm do chậm trả

từ năm 2016 đến thời điểm khởi kiện là 10.405 kg cà phê quả tươi. Nguyên đơn Công ty TNHH MTV cà phê E được quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng: Bà Đinh Thị V phải nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền chi phí thẩm định và định giá tài sản. Hoàn trả cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cà phê E số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tạm ứng chi phí thẩm định tài sản đã nộp, sau khi thu được của bà Đinh Thị V.

[7] Về án phí: Buộc bà Đinh Thị V, chị Vũ Thị Anh Đ, Vũ Thị Vân A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và 22.177.120 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Tổng cộng buộc bà Đinh Thị V, chị Vũ Thị Anh Đ, chị Vũ Thị Vân A phải nộp 22.477.120 đồng.

Công ty cà phê E được nhận lại số tiền 10.973.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0022303 ngày 21/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

* **Kháng cáo:** Ngày 29/01/2014 bị đơn bà Đinh Thị V và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Anhy V kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và cho rằng sau khi Hợp đồng giao khoán đã hết hạn, Công ty đã nhiều lần vận động bà V và các con bà V đến làm việc để gia hạn hợp đồng nhưng bà V không hợp tác mà vẫn sản xuất và thu lợi trên diện tích đất nhận khoán của Công ty là không có thiện chí và xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty. Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và quan điểm đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của các đương sự đã nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà

Đinh Thị V và đại diện theo ủy quyền ông Phạm Anhy V giữ nguyên Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị V và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phạm Anhy V đã được nộp trong thời hạn luật định và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không tự hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị V và đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Anhy V, thì thấy:

Hợp đồng giao - nhận khoán sản xuất cà phê giữa Công ty TNHH MTV cà phê E (gọi tắt là Công ty cà phê E) với hộ nhận khoán ông Vũ Khắc Đ (chồng bà V) số 56/HĐ-GNK ngày 02/9/2011, là hợp đồng song vụ có thời hạn, khi thực hiện việc giao kết hợp đồng các bên đều hoàn toàn tự nguyện và thỏa thuận đúng với quy định của pháp luật, về nội dung cũng như hình thức của hợp đồng hai bên đã ký kết không vi phạm pháp luật nên có giá trị thực hiện hợp đồng, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trước và sau khi ông Đ (chồng bà V) chết, bà V đều đã thực hiện nghĩa vụ chăm sóc vườn cây theo đúng cam kết trong hợp đồng và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp sản phẩm theo Hợp đồng giao nhận khoán đã ký kết với Công ty cà phê E kể từ khi ký kết cho đến hết niên vụ cà phê năm 2015 và các bên không có tranh chấp gì.

Từ năm 2016 cho đến nay, hai bên chưa thực hiện việc ký lại hợp đồng giao nhận khoán. Thực hiện chỉ đạo của Tổng công ty cà phê Việt Nam “V/v tiếp tục áp dụng nội dung phương án khoán sản xuất nông nghiệp giai đoạn năm 2011 - 2015 thêm 02 năm (năm 2016 -2017)”, Nông trường Đliêya đã xây dựng phương án khoán kéo dài thêm 02 năm, được Hội nghị đại biểu người lao động của Công ty cà phê E thông qua và được Tổng công ty cà phê Việt Nam ra quyết định phê duyệt phương án. Căn cứ vào phương án được phê duyệt, Nông trường Đliêya đã ban hành “phụ lục hợp đồng giao - nhận khoán sản xuất cà phê giai đoạn năm 2016-2017” để cho các hộ nhận khoán ký phụ lục hợp đồng. Tuy nhiên, bà V cho rằng, việc xây dựng phương

án khoán không hợp lý, một số khoản chi phí, khấu hao tài sản không đúng, việc này đã được Giám đốc Công ty cà phê E chấp nhận và được điều chỉnh trong sản lượng giao khoán của phụ lục, nhưng bà V vẫn không ký phụ lục hợp đồng.

Việc Công ty cà phê E thực hiện mức thu sản lượng khoán dựa trên cơ sở được phê duyệt của Tổng công ty cà phê Việt Nam. Xét thấy, đây là giao dịch dân sự, khi ký kết các bên đều tự nguyện, do đó nếu thấy mức khoán cao, thì các bên có thể bàn bạc, thống nhất với nhau để điều chỉnh những điểm không phù hợp hoặc có thể chấm dứt, thanh lý hợp đồng. Nhưng do kỳ khoán 2011-2015 kết thúc, bà V là người thừa kế của ông Đ không thanh lý hợp đồng, không ký phụ lục hợp đồng, nhưng vẫn canh tác trên diện tích cà phê nhận khoán, nên hợp đồng số 56 ngày 02/9/2011 được ký giữa Nông trường Đliêya với ông Vũ Khắc Đ (người thừa kế là bà Đinh Thị V) thực tế vẫn tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Bà V không thực hiện nghĩa vụ nộp sản phẩm, đã vi phạm *điểm 2.9 mục 2 Điều 5 và điểm 1.2, 1.9 mục 1 Điều 7* của hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê giai đoạn 2011 - 2015. Dù phụ lục hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê giai đoạn 2016 - 2017 không được các bên ký kết, không phát sinh hiệu lực pháp luật với các bên, nhưng sản lượng thu của phụ lục hợp đồng thấp hơn so với hợp đồng giao nhận khoán 2011 - 2015.

Áp dụng nguyên tắc có lợi cho người nhận khoán, cần buộc gia đình bà V phải trả cho Công ty cà phê E sản lượng cà phê theo phụ lục hợp đồng năm 2016 - 2017 là phù hợp. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Đinh Thị V và các thành viên trong hộ gia đình bà V phải trả cho Công ty cà phê E là: 37.869 kg cà phê quả tươi **là có căn cứ.**

[2.1] Xét kháng cáo của bị đơn và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn về việc: Từ năm 2016 trở lại đây, do hợp đồng giao khoán chưa được các bên tiếp tục ký kết nên không thể kết luận gia đình bà V đã vi phạm hợp đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng số 56 /HĐ-GNK ngày 02/9/2011 được ký kết giữa Nông trường Đliêya với ông Đ hết hạn vào ngày 02/9/2015, sau khi ông Đ chết vào năm 2014, bà V là người thừa kế không ký phụ lục hợp đồng kéo dài thêm 02 năm (2016 - 2017) nhưng vẫn cùng các thành viên trong gia đình canh tác quản lý và thu hoạch sản phẩm trên diện tích cà phê nhận khoán, không thực hiện việc giao nộp đủ sản phẩm cho Nông trường Đliêya, đã vi phạm vào *khoản 1, 7, 8 Điều 4; điểm 2.9; 2.12 khoản 2 Điều 5; các điểm 1.2; 1.9 khoản 1 Điều 7* của hợp đồng nhận khoán giai đoạn 2011 - 2015 đã được các bên ký kết, là điều kiện để Công ty cà phê E chấm dứt và thanh lý hợp đồng thuê khoán tài sản với ông Đ và bà V. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cà phê E, buộc bà Đinh Thị V cùng

các con phải trả lại diện tích nhận khoán 4.29 ha và cây cà phê trên đất theo hợp đồng số 56 ngày 02/9/2011 là có cơ sở.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn về việc không đồng ý thanh toán cho Công ty 48.274 kg cà phê quả tươi, Hội đồng xét xử thấy rằng: Do bà V và gia đình không thực hiện nghĩa vụ nộp sản phẩm, đã vi phạm *điểm 2.9 mục 2 Điều 5 và điểm 1.2, 1.9 mục 1 Điều 7* của hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê giai đoạn 2011 - 2015. Dù phụ lục hợp đồng giao nhận khoán sản xuất cà phê giai đoạn 2016 - 2017 không được các bên ký kết, không phát sinh hiệu lực pháp luật với các bên, nhưng sản lượng thu của phụ lục hợp đồng thấp hơn so với hợp đồng giao nhận khoán 2011 - 2015. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn đã có đơn xin rút yêu cầu buộc bà V phải trả lãi sản phẩm còn nợ là 10.405 kg cà phê quả tươi nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện này. Công ty cà phê Ea Sin chỉ yêu cầu gia đình bà V phải trả cho Công ty cà phê E là 37.869 kg cà phê quả tươi. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng nguyên tắc có lợi cho người nhận khoán, buộc gia đình bà V phải trả cho Công ty cà phê E sản lượng cà phê theo phụ lục hợp đồng năm 2016 - 2017 là: 37.869 kg cà phê quả tươi là phù hợp.

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn cho rằng: *“về khấu hao tài sản Công ty đã vi phạm hợp đồng do Công ty không đầu tư cho gia đình bà V, tính khấu hao tài sản quá cao so với quy định của Bộ Tài chính (chỉ được phép thu của gia đình bà V 4%, nhưng thực tế đã tính qua các chu kỳ là 6% và 8%), Công ty đã thu quá mức quy định của gia đình bà V 6 năm 4 tháng. Hàng năm không đầu tư mà còn kê khống qua các chu kỳ. Theo Thông tư số 10/2001/TT ngày 19/10/2001 của Ngân hàng Nhà nước khoan nợ từ ngày 01/8/2001 đến ngày 30/7/2004 là 03 năm không tính lãi vốn vay nhưng Công ty vẫn tính lãi vốn vay là 1.200.000 đ/ha x 3 năm x 5,41 ha = 19.476.000 đồng. Theo Thông tư số 95/TT-BTC ngày 23/11/2001 của Bộ Tài Chính miễn thuế nông nghiệp 100% nhưng Công ty chỉ giảm 50% trong 02 năm 2001-2002, thu khống của gia đình bà V 1.100kg cà phê quả tươi/1ha, không chi trả tiền vận chuyển thực tế cho gia đình bà V, thu phí chồng phí qua các chu kỳ, hiện tại công ty còn nợ gia đình bà V chứ bà V không nợ công ty”*, thấy rằng:

Tại Hợp đồng số 56 đã thể hiện rõ tỷ lệ phân chia và sản lượng khoán mà ông Đ phải nộp. Ngoài ra, nếu gia đình bà V cho rằng các điều khoản trong hợp đồng chưa rõ ràng hoặc không đồng ý với các điều khoản này thì gia đình bà có quyền không giao kết hợp đồng hoặc yêu cầu Công ty giải thích, sửa đổi hợp đồng nhưng ông Đ và gia đình ông Đ đã tự nguyện ký kết hợp đồng nhận khoán với Công ty và thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng kể từ khi ký kết cho đến hết niên vụ năm 2015 mà không phát sinh tranh chấp gì giữa các bên. Như vậy, Hợp đồng số 56 đã được thực hiện xong và ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của bà V còn cho rằng

bà V chưa đóng sản lượng từ năm 2016 trở đi là do Công ty nợ gia đình bà V là không có cơ sở. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty cà phê E, buộc bà Đinh Thị V cùng các con phải trả lại diện tích nhận khoán 4.29 ha và cây cà phê trên đất theo hợp đồng số 56 ngày 02/9/2011 là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với các cây trồng khác và vật kiến trúc do gia đình bà V tạo dựng trên đất. Quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trên diện tích 4,29 ha hiện nay do gia đình bà V đang quản lý, sử dụng thì ngoài cây cà phê, hộ bà V có xây nhà, trồng mới một số loại cây trồng khác xen giữa cây cà phê, bao gồm:

- Tại thửa đất số 62, tờ bản đồ số 127 theo trích lục số 2572/TL-VPĐKQSDĐ - KTĐC ngày 13/3/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk: Nhà ở, + toàn bộ công trình phụ; 300 trụ tiêu, 31 cây cau; 06 cây đu đủ; 01 cây xoài; 01 cây na thái; 03 cây mít; 01 cây chôm chôm; 01 cây bưởi; 01 cây hồng; 06 cây chanh dây; 43 cây sầu riêng; 193 cây macca; 07 cây dổi; 25 cây bơ boot; 02 giếng nước.

- Phần diện tích tại thửa đất số 73, tờ bản đồ số 127 theo trích lục số 2572/TL-VPĐKQSDĐ - KTĐC ngày 13/3/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk: 98 cây macca; 250 trụ tiêu, 16 cây dổi; 19 cây sầu riêng; 23 cây bơ; 14 cây cau.

- Phần diện tích tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 127 theo trích lục số 2572/TL-VPĐKQSDĐ - KTĐC ngày 13/3/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk: 200 cây macca; 300 trụ tiêu, 50 cây dổi; 100 cây sầu riêng; 50 cây bơ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định: bà V cố ý trồng các loại cây trồng, xây dựng vật kiến trúc làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng vườn cây cà phê của Công ty, thay đổi cơ cấu trong vườn cây cà phê. Do đó Công ty không có nhu cầu sử dụng, tiếp quản các loại cây trồng và vật kiến trúc do gia đình bà V tạo dựng, đề nghị hộ bà V tháo dỡ, di dời theo quy định để giao trả lại vườn cây cà phê theo hợp đồng cho Công ty.

Tại Điều 7, mục 2, mục 2.3, mục 2.4 của hợp đồng quy định “*người nhận khoán chỉ được trồng xen cây ăn quả về mật độ, khoảng cách và làm nhà ở theo thỏa thuận*”

Xét thấy: Việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là đúng quy định của pháp luật, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Sau khi ông Đ chết, bà V là vợ của ông Đ đã thừa kế và tiếp tục thực hiện hợp đồng do ông Đ đã ký kết, không có ý kiến gì. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà V đã trồng các loại cây khác và tạo dựng các vật kiến trúc như đã nêu trên không đúng với thỏa thuận, cam kết trong hợp đồng đã ký. Mặc dù Công ty đã mời bà V lên ký lại hợp đồng nhưng bà V cố tình không hợp

tác, mà lại tiếp tục trồng các loại cây khác và xây dựng nhà kiên cố trên đất, đây là lỗi của bà V. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Đinh Thị V, chị Vũ Văn Anh, chị Vũ Thị Anh Đ phải tháo dỡ, di dời các tài sản gắn liền trên diện tích 4,29 ha đất theo hợp đồng giao nhận khoán số 56 ngày 02/9/2011 là phù hợp.

Từ những phân tích và nhận định trên, kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị V và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phạm Anhy V là không có căn cứ nên cần giữ nguyên Quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Đinh Thị V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Đinh Thị V và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phạm Anhy V (Phạm Xuân Vũ).

Giữ nguyên Quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số 04/2024/DS-ST ngày 26/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thị V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền đã nộp tại Biên lai thu số 0002544 ngày 02/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, bà V đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- CCTHADS huyện Krông Năng;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

Y Phi Kbuôr